

Số: 09/2025/QĐCNTTLH

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Phan Thị S và anh Đặng Văn D.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu đề ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị S và anh Đặng Văn D.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 11 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Chị Phan Thị S; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

2. Anh Đặng Văn D; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 11 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 11 năm 2025, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Đặng Văn D nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phan Thị S và anh Đặng Văn D xác nhận có 01 con chung là cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 17/3/2015. Sau khi ly hôn, chị Phan Thị S trực tiếp nuôi cháu Đặng Khánh L cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Khánh L, mức cấp dưỡng là

1.000.000 đồng (Một triệu đồng) mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Thi hành án DS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương